

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KHÁNH HÒA
Số: 930 /GPMT-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Khánh Hòa, ngày 08 tháng 4 năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của
Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều
của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1877/QĐ-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2022 của
UBND tỉnh Khánh Hòa về việc ủy quyền thực hiện các thủ tục hành chính trong
lĩnh vực môi trường thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh;

Xét đề nghị của Công ty Cổ phần Phụ liệu may Nha Trang tại Văn bản số
07/2024 ngày 29 tháng 3 năm 2024 về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường dự
án “Nhà máy và Văn phòng Công ty Cổ phần Phụ liệu may Nha Trang” tại Lô
A27 và A28 CCN Diên Phú, xã Diên Phú, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa và
hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số
124.../TTr-STNMT-CCBVMT ngày 04 tháng 4 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty Cổ phần Phụ liệu may Nha Trang, địa chỉ
tại Lô A27 và A28 CCN Diên Phú, xã Diên Phú, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh
Hòa được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án Nhà máy và Văn
phòng Công ty Cổ phần Phụ liệu may Nha Trang với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án:

1.1. Tên dự án: Nhà máy và Văn phòng Công ty Cổ phần Phụ liệu may Nha
Trang.

1.2. Địa điểm hoạt động: Lô A27 và A28 CCN Diên Phú, xã Diên Phú,

huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa.

1.3. Giấy đăng ký kinh doanh: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần; Mã số doanh nghiệp: 4200466765; đăng ký lần đầu ngày 23 tháng 11 năm 2001 và đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 30 tháng 8 năm 2022.

1.4. Mã số thuế: 4200466765.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất dây khóa kéo và phụ liệu may.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án:

- Dự án có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Quy mô: Dự án có tiêu chí tương đương với dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Tổng công suất của dự án:

+ Dây khóa kéo: 150.000.000 dây khóa kéo/năm

+ Các phụ liệu may khác: thun 1.000.000 mét/năm, cúc nhựa 10.000.000 cúc/năm, phụ liệu kim loại và nhựa khác 5.000.000 sản phẩm/năm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Cổ phần Phụ liệu may Nha Trang được cấp Giấy phép môi trường:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần Phụ liệu may Nha Trang có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Diên Khánh, UBND xã Diên Phú nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến UBND tỉnh.

2.6. Chậm nhất 10 ngày sau khi được cấp giấy phép môi trường, Chủ dự án có trách nhiệm công khai giấy phép môi trường trên trang thông tin điện tử của Chủ dự án hoặc tại trụ sở UBND xã Diên Phú.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm kể từ ngày ký giấy phép.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Công ty Cổ phần Phụ liệu may Nha Trang;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND huyện Diên Khánh;
- Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến Thương mại;
- UBND xã Diên Phú;
- Cổng Thông tin điện tử của UBND tỉnh;
- Lưu: VP +T.L.

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Hòa Nam

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 930./GPMT-UBND ngày 08 tháng 11 năm 2024 của UBND tỉnh Khánh Hòa)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

- Nước thải sau xử lý được đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của CCN Diên Phú để tiếp tục xử lý, không được xả trực tiếp ra môi trường.

- Chủ dự án đã ký Hợp đồng dịch vụ xử lý nước thải số 09/2013/HĐDV-XLNT ngày 01/01/2013 và Phụ lục hợp đồng số 09A/PLHĐ ngày 29/3/2024 với Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến Thương mại (Đơn vị kinh doanh hạ tầng Cụm công nghiệp Diên Phú).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nguồn số 1: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn thu gom về Bể điều hòa 1 sau đó dẫn về Bể xử lý sinh học của hệ thống xử lý nước thải công suất thiết kế 170 m³/ngày đêm.

- Nguồn số 02: Nước thải từ xưởng nhuộm thu gom về Bể điều hòa 2 qua Bể keo tụ tạo bông 1 và Bể lắng hóa lý 1 sau đó dẫn về Bể xử lý sinh học của hệ thống xử lý nước thải công suất thiết kế 170 m³/ngày đêm.

- Nguồn số 03: Nước thải từ xưởng khóa và xi mạ thu gom về Bể điều hòa 3 qua Bể keo tụ tạo bông 2 và Bể lắng hóa lý 2 sau đó dẫn về Bể xử lý sinh học của hệ thống xử lý nước thải công suất thiết kế 170 m³/ngày đêm.

1.2. Công trình xử lý nước thải:

- Quy trình công nghệ:

Nước thải từ các nguồn số 01, 02, 03 → Bể xử lý sinh học hiếu khí → Bể lắng sinh học → Bể khử trùng → Hồ ga nội bộ → Hồ ga thu gom nước thải của CCN Diên Phú sau đó dẫn về Hệ thống xử lý nước thải tập trung của CCN Diên Phú.

- Tọa độ điểm đầu nối nước thải: X = 1357979; Y = 594962 (hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 108°15' múi chiếu 3°).

- Công suất thiết kế: 170 m³/ngày đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Chlorine, PAC (hoặc các hóa chất khác tương đương đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh

thêm chất ô nhiễm).

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa ứng phó sự cố:

- Tuyển công nhân có kinh nghiệm vận hành hệ thống xử lý nước thải và có khả năng khắc phục các sự cố khi xảy ra;

- Định kỳ bảo dưỡng các máy móc, thiết bị và dự trữ sẵn một số thiết bị để thay thế.

- Trường hợp hệ thống xử lý nước thải bị sự cố (nước thải không đạt tiêu chuẩn đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của CCN Diên Phú) phải ngừng hoạt động tại các công đoạn sản xuất phát sinh nước thải, nước thải phát sinh được lưu tại 3 bể điều hòa (thể tích 120 m^3) và 3 hố gom (thể tích $15,12 \text{ m}^3$) có thể tích tổng cộng là $135,21 \text{ m}^3$. Chủ dự án huy động nhân viên kịp thời sửa chữa hệ thống xử lý nước thải và chỉ xả nước thải vào hệ thống thu gom nước thải của CCN Diên Phú sau khi đã khắc phục xong.

- Trường hợp thực hiện các biện pháp ứng phó sự cố trong thời gian dài phải tạm ngừng hoạt động sản xuất để thực hiện các biện pháp khắc phục, xử lý.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: không quá 06 tháng (kể từ sau khi được cấp giấy phép môi trường).

2.2. Công trình xử lý nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải công suất thiết kế $170 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Nước thải trước xử lý tại Bể điều hòa và nước thải sau xử lý tại Bể khử trùng.

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Đáp ứng điều kiện tại hợp đồng dịch vụ xử lý nước thải với Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến Thương mại.

2.3. Tần suất lấy mẫu: Chủ dự án tự quyết định nhưng phải bảo đảm quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn tại hợp đồng đầu nối nước thải với Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến Thương mại trước khi xả vào hệ thống thu gom nước thải tập trung của CCN Diên Phú, không xả thải trực tiếp ra môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.3. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm và vận hành công trình xử lý nước thải. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3.4. Chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện đấu nối nước thải về hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của CCN Diên Phú để tiếp tục xử lý trước khi xả thải ra môi trường.

Phụ lục 2

YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 930/GPMT-UBND ngày 08 tháng 11 năm 2024
của UBND tỉnh Khánh Hòa)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)
1.	Chất thải bóc tách sơn	08 01 03	276
2.	Bóng đèn Neon	16 01 06	216
3.	Dầu bôi trơn	17 02 04	120
4.	Bao bì cứng thải bằng kim loại (thùng phuy sắt)	18 01 02	240
5.	Bao bì cứng thải bằng nhựa	18 01 03	60
6.	Bao bì cứng thải bằng các vật liệu khác (composit...)	18 01 04	60
7.	Giẻ lau máy	18 02 01	288
Tổng cộng			1.260

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp phát sinh:

TT	Loại chất thải công nghiệp	Ghi chú	Khối lượng (kg/ngày)
1	Chất thải rắn có thể tái chế như thùng các tông, bao bì...	Thông thường	5
2	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải	Kiểm soát	20
Tổng cộng			25

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: Khoảng 0,3 tấn/ngày.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng bằng nhựa, có nắp đậy.

2.1.2. Kho lưu chứa:

- Diện tích 16,8 m²

- Thiết kế, cấu tạo: Tường gạch bao quanh, nền láng xi măng đảm bảo không bị thấm thấu, có mái lợp tôn, có biển ghi chú và cảnh báo. Có trang bị các thiết bị, dụng cụ và vật liệu phòng cháy, chữa cháy.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng nhựa, có nắp đậy.

2.2.2. Nhà lưu giữ chất thải rắn công nghiệp:

- Diện tích: 21 m².

- Thiết kế, cấu tạo: Có tường bao quanh, có cửa ra vào, có mái che nắng che mưa, nền láng xi măng, có cao độ nền đảm bảo không bị ngập lụt, tránh nước mưa từ bên ngoài tràn vào.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Thiết bị lưu chứa: Bố trí các thùng chứa có nắp đậy.

- Biện pháp chuyển giao: cuối ngày tập kết tại cổng chính để chuyển giao cho đơn vị thu gom có chức năng

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

Phụ lục 3**YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số ...~~930~~.../GPMT-UBND ngày 08 tháng 11 năm 2024 của UBND tỉnh Khánh Hòa)

A. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG (HOẶC VĂN BẢN TƯƠNG ĐƯƠNG): Không

B. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường theo quy định của pháp luật.

3. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới. / 

